TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 325/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn A; nơi cư trú: Số X Hai Bà Trưng, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu B; nơi ĐKHKTT: Số Y Chùa Hàng, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Cộng hòa Síp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là Anh Phạm Văn A trình bày:

Anh Phạm Văn A kết hôn với Chị Nguyễn Thị Thu B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 25/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung. Năm 2015, Chị B sang Cộng hòa Síp sinh sống và làm việc. Đến năm 2018, anh chị xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, tính cách không phù hợp nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không tồn tại nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị B. Hiện nay Chị B vẫn sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Síp. Chị B không nói cho anh biết địa chỉ cụ thể của chị tại Cộng hòa Síp nên anh không cung cấp được địa chỉ của Chị B cho Tòa án. Bố mẹ của Chị B đã chết từ lâu, các anh chị em của Chị B hiện nay cũng đều ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam. Hiện có bà Nguyễn Thị Nghĩa, sinh năm 1961 là cô ruột của Chị B (em gái ruột của bố Chị B) có đăng ký hộ khẩu cùng với Chị B tại địa chỉ: 43/19 Chùa Hàng, phường Trại Cau, quận Lê Chân, Hải Phòng. Anh được biết Chị Nguyễn Thị Thu B vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với bà Nghĩa.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm Tuấn Phong, sinh ngày 03/02/2014. Ly hôn, Anh Phạm Văn A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là Chị Nguyễn Thị Thu B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị Nghĩa – là cô ruột của Chị Nguyễn Thị Thu B. Tòa án đã thông báo cho bà Nguyễn Thị Nghĩa cung cấp địa chỉ cụ thể của Chị Nguyễn Thị Thu B ở Cộng hòa Síp và yêu cầu bà Nguyễn Thị Nghĩa cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho Chị Nguyễn Thị Thu B để gửi lời khai đối với yêu cầu xin ly hôn của Anh Phạm Văn A cho Tòa án. Bà Nguyễn Thị Nghĩa trình bày hiện nay bố mẹ đẻ của Chị B đã chết, Chị Nguyễn Thị Thu B vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể tại Cộng hòa Síp của Chị Nguyễn Thị Thu B ở đâu do Chị B không cung cấp. Bà đã thông báo cho Chị Nguyễn Thị Thu B về yêu cầu của Tòa án tuy nhiên Chị B không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án. Chị B trao đổi qua điện thoại với bà như sau: Chị B có quan điểm

đồng ý ly hôn với Anh A. Về con chung: Chị B và Anh A có một con chung là cháu Phạm Tuấn Phong, sinh ngày 03/02/2014, hiện đang ở với Anh A. Ly hôn, Chị B đồng ý giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bà Nguyễn Thị Nghĩa như sau:

Anh A và Chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại tại UBND phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 25/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau một con chung. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh Phạm Văn A được ly hôn Chị Nguyễn Thị Thu B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị, giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị B, Anh A không yêu cầu giải quyết, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho Anh Phạm Văn A được ly hôn Chị Nguyễn Thị Thu B. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Tuấn Phong, sinh ngày 03/02/2014 cho Anh Phạm Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, nh Phạm Văn Hưng không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn. Bị đơn là Chị Nguyễn Thị Thu B có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở Cộng hòa Síp, nguyên đơn Anh Phạm Văn A hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Phạm Văn A có đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Thu B vắng mặt tại địa phương, sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và nguyên đơn biết. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, Chị B đã biết các văn bản tố tụng của Tòa án được gửi cho chị thông qua bà Nguyễn Thị Nghĩa nhưng Chị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn A và Chị Nguyễn Thị Thu B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 25/4/2014. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của Anh A và cô ruột của Chị B (bà Nguyễn Thị Nghĩa) thể hiện quá trình chung sống vợ chồng Anh A, Chị B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến việc vợ chồng không có tiếng nói chung. Dù hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Hiện nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà Nghĩa trình bày qua trao đổi bằng điện thoại với bà, Chị B có quan điểm đồng ý ly hôn với Anh A. Xét thấy, Anh A không còn tình cảm vợ chồng với Chị B, đời sống hôn nhân không tồn tại, anh chị đã ly thân trong một thời gian dài nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Phạm Văn A đối với Chị Nguyễn Thị Thu B.

[4] Về con chung: Anh A và Chị B có một con chung là cháu Phạm Tuấn Phong, sinh ngày 03/02/2014, hiện nay đang ở với Anh A. Ly hôn, Anh A yêu cầu giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Qua lời trình bày của cô ruột Chị B thì Chị B đồng ý giao con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng,

không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, cháu Phạm Tuấn Phong có nguyện vọng muốn được ở với bố trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn. Do đó, việc Anh A yêu cầu giao con chung cho Anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của con chung nên cần được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận việc Anh A tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Phạm Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn A được ly hôn Chị Nguyễn Thị Thu B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Tuấn Phong, sinh ngày 03/02/2014 cho Anh Phạm Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận việc Anh Phạm Văn A tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000085 ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Phạm Văn A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thu B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyến	**Đặng Hồ Điệp**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyến	**Đặng Hồ Điệp**